

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 94/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh trật tự số 118/2025/QH15;*

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự số 118/2025/QH15 về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe, gồm: hình thức đào tạo lái xe khác; điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô của cơ sở đào tạo lái xe ô tô; tiêu chuẩn của giáo viên dạy lái xe; trình tự, thủ tục kiểm tra, đánh giá để cấp, cấp lại và thu hồi giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe; cấp, cấp lại và thu hồi giấy phép xe tập lái; cấp, cấp lại và thu hồi giấy phép đào tạo lái xe; điều kiện kinh doanh dịch vụ sát hạch lái xe của trung tâm sát hạch lái xe; trình tự, thủ tục kiểm tra, đánh giá để cấp, cấp lại và thu hồi giấy phép sát hạch; điều kiện sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô; trình tự, thủ tục kiểm tra, đánh giá để cấp, cấp lại và thu hồi chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đào tạo lái xe và sát hạch lái xe tại Việt Nam.

2. Nghị định này không áp dụng đối với hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe cho lực lượng quân đội, công an làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Xe tập lái là xe ô tô dùng để đào tạo lái xe ô tô.

2. Xe sát hạch là xe mô tô, ô tô dùng để sát hạch lái xe.

3. Lưu lượng đào tạo là số lượng học viên lớn nhất mà cơ sở đào tạo lái xe được phép đào tạo tại một thời điểm, được xác định bằng tổng số học viên đào tạo các hạng giấy phép lái xe ô tô, bao gồm cả học viên học lý thuyết và thực hành tại thời điểm xác định lưu lượng đào tạo.

4. Trung tâm sát hạch lái xe được xây dựng đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ nhân viên nghiệp vụ và phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ và được phân loại như sau:

a) Trung tâm sát hạch lái xe loại 1: cung cấp dịch vụ để tổ chức sát hạch, cấp giấy phép lái xe các hạng A1, A, B1, B, C1, C, D1, D2, D và các hạng BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE;

b) Trung tâm sát hạch lái xe loại 2: cung cấp dịch vụ để tổ chức sát hạch, cấp giấy phép lái xe các hạng A1, A, B1, B, C1, C và hạng D1;

c) Trung tâm sát hạch lái xe loại 3: cung cấp dịch vụ để tổ chức sát hạch, cấp giấy phép lái xe các hạng A1, A và B1.

5. Sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô là cơ sở được xây dựng đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ nhân viên nghiệp vụ và các yêu cầu kỹ thuật theo tiêu chuẩn kỹ thuật sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô, cung cấp dịch vụ để tổ chức sát hạch lái xe mô tô và được phân loại như sau:

a) Sân loại 1: cung cấp dịch vụ để tổ chức sát hạch, cấp giấy phép lái xe các hạng A1, A, B1;

b) Sân loại 2: cung cấp dịch vụ để tổ chức sát hạch, cấp giấy phép lái xe các hạng A1, A;

c) Sân loại 3: cung cấp dịch vụ để tổ chức sát hạch, cấp giấy phép lái xe hạng A1.

6. Dữ liệu giám sát sát hạch: bao gồm dữ liệu về kết quả sát hạch và dữ liệu hình ảnh của hệ thống camera giám sát sát hạch.

7. Đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn là hình thức đào tạo không tập trung, người học chủ yếu tự học qua các học liệu (giáo trình, băng hình, ứng dụng đa phương tiện trên các thiết bị điện tử được thể hiện bằng việc sử dụng các thiết bị phương tiện nghe nhìn, phát thanh, truyền hình, các tổ hợp truyền thông đa phương tiện, mạng Internet) dưới sự tổ chức, trợ giúp của giáo viên, cơ sở đào tạo lái xe.

Chương II HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO LÁI XE

Mục 1 HÌNH THỨC ĐÀO TẠO LÁI XE KHÁC

Điều 4. Hình thức tự học

1. Tự học áp dụng đối với các môn học lý thuyết để cấp giấy phép lái xe các hạng A1, A và B1.
2. Người học phải đăng ký tại cơ sở được phép đào tạo để được quản lý theo quy định của Bộ Xây dựng.

Điều 5. Hình thức đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn

1. Đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn áp dụng đối với các môn học pháp luật về giao thông đường bộ, đạo đức, văn hóa giao thông và phòng chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông và học lý thuyết của các môn: cấu tạo và sửa chữa thông thường; kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; kỹ thuật lái xe để cấp giấy phép lái xe hạng B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E và DE.
2. Người học phải đăng ký tại cơ sở được phép đào tạo để được quản lý theo quy định của Bộ Xây dựng.

Mục 2 ĐIỀU KIỆN KINH DOANH CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ

Điều 6. Điều kiện chung

1. Cơ sở đào tạo lái xe là loại hình doanh nghiệp hoặc hợp tác xã hoặc cơ sở giáo dục.
2. Nhân lực của cơ sở đào tạo
 - a) Người đứng đầu cơ sở đào tạo;
 - b) Các phòng hoặc bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ;
 - c) Các tổ bộ môn;
 - d) Các đơn vị phục vụ đào tạo.

Điều 7. Người đứng đầu cơ sở đào tạo lái xe ô tô

Người đứng đầu cơ sở đào tạo lái xe ô tô phải có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên.

Điều 8. Điều kiện về giáo viên

1. Cơ sở đào tạo phải có đội ngũ giáo viên dạy lý thuyết, dạy thực hành đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Điều 10 của Nghị định này.

2. Cơ sở đào tạo phải có số lượng giáo viên dạy thực hành lái xe đáp ứng kế hoạch sử dụng các xe tập lái dùng để đào tạo.

Điều 9. Điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật

1. Hệ thống phòng học chuyên môn

a) Phòng sử dụng học lý thuyết: có các trang thiết bị làm công cụ hỗ trợ việc giảng dạy về các nội dung: pháp luật giao thông đường bộ, đạo đức người lái xe, văn hóa giao thông, phòng chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông và phòng chống cháy nổ và cứu nạn, cứu hộ; trường hợp, các thiết bị công nghệ thông tin chưa mô tả hệ thống báo hiệu đường bộ, sa hình, thì phải có hệ thống tranh vẽ;

b) Phòng sử dụng học kỹ thuật ô tô: bảo đảm diện tích không nhỏ hơn 1,50 m²/học viên, diện tích phòng học không nhỏ hơn 100 m²/phòng; có các thiết bị công nghệ thông tin làm công cụ hỗ trợ việc giảng dạy về cấu tạo, sửa chữa thông thường và kỹ thuật lái xe, kiến thức mới về nâng hạng; có mô hình cắt bỏ động cơ, hệ thống truyền lực và hệ thống điện; có trang bị đồ nghề chuyên dùng để hướng dẫn học viên thực hành tháo lắp lốp, kiểm tra dầu xe, nước làm mát; có xe ô tô được kê kích bảo đảm an toàn để tập số nguội, số nóng; có cabin học lái xe. Trường hợp, các thiết bị công nghệ thông tin chưa có sơ đồ mô tả cấu tạo và nguyên lý hoạt động của động cơ, hệ thống truyền lực, hệ thống treo, hệ thống phanh, hệ thống lái, các thao tác lái xe cơ bản (điều chỉnh ghế lái, tư thế ngồi lái, vị trí cầm vô lăng lái...), thì phải có hệ thống tranh vẽ.

Trong trường hợp, mô hình cắt bỏ động cơ, hệ thống truyền lực, hệ thống điện; khu vực hướng dẫn học viên thực hành tháo lắp lốp, kiểm tra dầu xe, nước làm mát; xe ô tô để tập số nguội, số nóng; cabin học lái xe ô tô được bố trí ở khu vực riêng biệt khác thì diện tích phòng học không nhỏ hơn 48 m²/phòng;

c) Hệ thống phòng học chuyên môn thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cơ sở đào tạo lái xe; cơ sở đào tạo lái xe ô tô bố trí số lượng phòng sử dụng học lý thuyết và phòng sử dụng học kỹ thuật ô tô phù hợp với lưu lượng, hình thức và chương trình đào tạo; số lượng phòng học tính theo lưu lượng học viên; được xác định theo nguyên tắc 01 phòng sử dụng học lý thuyết và 01 phòng sử dụng học kỹ thuật ô tô đáp ứng tối đa lưu lượng 500 học viên.

2. Xe tập lái

a) Cơ sở đào tạo phải có xe tập lái đáp ứng việc đào tạo lái xe theo các hạng được phép đào tạo, thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cơ sở đào tạo lái xe; được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xe tập lái; đối với đơn vị có dịch vụ đào tạo và trung tâm sát hạch lái xe, trong thời gian xe sát hạch không được sử dụng để phục vụ nhu cầu sát hạch và ôn luyện, được sử dụng làm xe tập lái;

b) Xe tập lái các hạng phải sử dụng các loại xe tương ứng với hạng giấy phép lái xe quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Trong đó: xe tập lái hạng B gồm xe sử dụng loại chuyển số tự động (bao gồm cả ô tô điện) hoặc chuyển số cơ khí (số sàn); xe tập lái hạng C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E và DE sử dụng loại chuyển số cơ khí (số sàn);

c) Xe tập lái được gắn 02 biển “TẬP LÁI” trước và sau xe theo mẫu quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này; có hệ thống phanh phụ được lắp đặt bảo đảm hiệu quả phanh, được bố trí bên ghế ngồi của giáo viên dạy thực hành lái xe; xe tập lái trên đường giao thông có gắn cố định thiết bị giám sát thời gian và quãng đường học thực hành lái xe của học viên; trường hợp xe tập lái loại ô tô tải có chở học viên trên thùng xe phải có mui che mưa, che nắng, ghé ngồi cho học viên;

d) Xe mô tô ba bánh để làm xe tập lái cho người khuyết tật là xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký xe và biển số xe;

đ) Xe ô tô hạng B dùng làm xe tập lái cho người khuyết tật là xe ô tô hạng B sử dụng loại chuyển số tự động (bao gồm cả ô tô điện) đáp ứng các quy định tại điểm a, điểm c khoản này; trường hợp người học khuyết tật bàn chân phải hoặc bàn tay phải hoặc bàn tay trái; xe tập lái còn phải có kết cấu phù hợp để các tay và chân còn lại của người khuyết tật vừa giữ được vô lăng lái, vừa dễ dàng điều khiển cần gạt tín hiệu báo rẽ, đèn chiếu sáng, cần gạt mưa, cần số, cần phanh tay, bàn đạp phanh chân, bàn đạp ga trong mọi tình huống khi lái xe theo đúng chức năng thiết kế của nhà sản xuất ô tô hoặc được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận cải tạo xe cơ giới xác nhận hệ thống điều khiển của xe phù hợp để người khuyết tật lái xe an toàn.

3. Sân tập lái xe

a) Thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cơ sở đào tạo lái xe; đối với đơn vị có dịch vụ đào tạo và trung tâm sát hạch lái xe, trong thời gian sân sát hạch không được sử dụng để phục vụ nhu cầu sát hạch và ôn luyện, được sử dụng làm sân tập lái;

b) Cơ sở đào tạo lái xe ô tô bố trí số lượng sân tập lái phù hợp với lưu lượng và chương trình đào tạo; số lượng sân tập lái tính theo lưu lượng học viên; được xác định theo nguyên tắc 01 sân tập lái ô tô đáp ứng tối đa lưu lượng 1.000 học viên;

c) Sân tập lái xe ô tô phải có đủ hệ thống biển báo hiệu đường bộ, bảo đảm diện tích để bố trí đủ các bài học theo nội dung chương trình đào tạo đối với các hạng xe dùng để đào tạo; việc bố trí hình và kích thước các bài tập lái xe ô tô tổng hợp theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ đối với từng hạng xe tương ứng và phải được bố vĩa;

d) Mặt sân có cao độ và hệ thống thoát nước bảo đảm không bị ngập nước; bề mặt các làn đường và hình tập lái được thảm nhựa hoặc bê tông xi măng, có đủ vạch sơn kẻ đường.

4. Có hệ thống thiết bị và phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử để kết nối thông qua API tới các nền tảng số quốc gia có liên quan, bảo đảm việc nhận diện, định danh, xác thực và cung cấp giấy tờ điện tử của học viên từ khi đăng ký đào tạo đến khi đăng ký sát hạch lái xe.

Mục 3

TIÊU CHUẨN GIÁO VIÊN DẠY LÁI XE; THỦ TỤC CẤP, CẤP LẠI VÀ THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE, GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI, GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ, GIẢI THỂ CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Điều 10. Tiêu chuẩn giáo viên dạy lái xe

1. Giáo viên dạy lý thuyết đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên một trong các chuyên ngành luật, công nghệ ô tô, công nghệ kỹ thuật ô tô, lắp ráp ô tô hoặc các ngành nghề khác có nội dung đào tạo chuyên ngành pháp luật hoặc ô tô chiếm 30% trở lên;

b) Có một trong các văn bằng, chứng chỉ về trình độ nghiệp vụ sư phạm sau:

Bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên trở lên; Bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, cao đẳng sư phạm kỹ thuật.

Chứng chỉ sư phạm dạy nghề dạy trình độ sơ cấp nghề; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ sơ cấp; Chứng chỉ bồi dưỡng sư phạm bậc 1 trở lên.

2. Giáo viên dạy thực hành lái xe đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp hoặc trung cấp nghề hoặc bằng nghề trở lên;

b) Có giấy phép lái xe hạng tương ứng hoặc cao hơn hạng xe đào tạo;

c) Có một trong các văn bằng, chứng chỉ về trình độ nghiệp vụ sư phạm sau:

Bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên trở lên; Bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, cao đẳng sư phạm kỹ thuật.

Chứng chỉ sư phạm dạy nghề dạy trình độ sơ cấp nghề; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ sơ cấp; Chứng chỉ bồi dưỡng sư phạm bậc 1 trở lên;

d) Đã qua tập huấn về nghiệp vụ dạy thực hành lái xe theo chương trình khung quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này.

Điều 11. Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe và thẩm quyền cấp

1. Sở Xây dựng cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe cho giáo viên thuộc các cơ sở đào tạo lái xe trên địa bàn và các cá nhân đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 10 của Nghị định này.

2. Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe theo mẫu quy định tại Mẫu số 01 và Mẫu số 02 Phụ lục III kèm theo Nghị định này.

Điều 12. Thủ tục cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe

1. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe bao gồm:

a) Đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục IV kèm theo Nghị định này;

b) Bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp hoặc trung cấp nghề trở lên (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc dữ liệu điện tử);

c) Văn bằng, chứng chỉ về trình độ nghiệp vụ sư phạm (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc dữ liệu điện tử);

d) 01 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền màu xanh, kiểu thẻ căn cước, được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.

Trường hợp giấy tờ quy định tại điểm b, điểm c khoản này đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử thì việc xuất trình, kiểm tra có thể thực hiện thông qua tài khoản định danh điện tử.

2. Trình tự thực hiện

a) Tập huấn về nghiệp vụ giáo viên dạy thực hành lái xe

Cá nhân có nhu cầu cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe lần đầu đăng ký với cơ sở đào tạo lái xe.

Cơ sở đào tạo lái xe tổ chức tập huấn theo chương trình tập huấn về nghiệp vụ giáo viên dạy thực hành lái xe theo quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định

này và bảo đảm tiêu chuẩn, thành phần hồ sơ đối với người tham dự tập huấn theo quy định tại khoản 2 Điều 10 và khoản 1 Điều này của Nghị định này;

b) Kiểm tra, đánh giá cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe

Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc chương trình tập huấn, cơ sở đào tạo có văn bản đề nghị kiểm tra cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục V kèm theo Nghị định này và hồ sơ của cá nhân tham dự tập huấn quy định tại khoản 1 Điều này gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công quốc gia.

Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe tiếp nhận danh sách do cơ sở đào tạo lập và hồ sơ cá nhân; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc (kể cả thời gian xác thực điện tử thông tin về giấy phép lái xe) phải có văn bản nêu rõ nội dung, lý do đề nghị cơ sở đào tạo lái xe bổ sung đầy đủ, chính xác; trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc (kể cả thời gian xác thực điện tử thông tin về giấy phép lái xe), phải tổ chức kiểm tra, đánh giá theo quy trình quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này. Trường hợp cá nhân không đạt kết quả kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe phải đăng tải kết quả trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục chính cấp tỉnh, cấp xã; trường hợp cá nhân đạt kết quả kiểm tra, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe và vào sổ theo dõi theo mẫu quy định tại Phụ lục VI kèm theo Nghị định này.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử có giá trị như bản giấy bằng một trong các hình thức: qua VNeID, Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục chính cấp tỉnh, cấp xã; trường hợp cá nhân có nhu cầu nhận bản giấy thì được cấp bổ sung.

Điều 13. Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe

1. Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe được cấp lại trong trường hợp bị mất hoặc bị hỏng hoặc có sự thay đổi về nội dung: thay đổi họ, tên đệm, tên, số căn cước, ngày tháng năm sinh

a) Hồ sơ đề nghị cấp lại trong trường hợp bị mất, bị hỏng bao gồm các thành phần quy định tại điểm a và điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị định này;

b) Hồ sơ đề nghị cấp lại trong trường hợp có sự thay đổi về nội dung bao gồm các thành phần quy định tại điểm a và điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị định này và tài liệu liên quan đến nội dung thay đổi tương ứng, cụ thể như sau: thay đổi tên của cá nhân đề nghị cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành

lái xe: bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc dữ liệu điện tử hệ tích của cấp có thẩm quyền về việc đổi tên, thay đổi ngày tháng năm sinh.

Trường hợp giấy tờ quy định tại điểm b khoản này đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử thì việc xuất trình, kiểm tra có thể thực hiện thông qua tài khoản định danh điện tử.

2. Trình tự thực hiện

a) Cá nhân lập 01 bộ hồ sơ gửi tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công quốc gia;

b) Cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe tiếp nhận hồ sơ của cá nhân; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời gian không quá 02 ngày làm việc (kể cả thời gian xác thực điện tử thông tin thay đổi của cá nhân) phải có văn bản hướng dẫn cá nhân hoàn thiện lại theo quy định; trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong thời gian không quá 02 ngày làm việc (kể cả thời gian xác thực điện tử thông tin thay đổi của cá nhân) phải cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe và vào sổ theo dõi theo mẫu quy định tại Phụ lục VI kèm theo Nghị định này;

c) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử có giá trị như bản giấy bằng một trong các hình thức: qua VNeID, Công Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục chính cấp tỉnh, cấp xã; trường hợp cá nhân có nhu cầu nhận bản giấy thì được cấp bổ sung.

Điều 14. Thu hồi giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe

1. Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Có hành vi gian lận để được tham dự tập huấn và kiểm tra để được giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe;

b) Cấp cho người không đủ một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 10 của Nghị định này;

c) Do cơ quan hoặc người không có thẩm quyền cấp;

d) Bị tẩy xóa, sửa chữa;

đ) Cho cơ sở đào tạo khác thuê, mượn để sử dụng hoặc cho tổ chức, cá nhân khác thuê, mượn để sử dụng.

2. Trình tự thực hiện thu hồi:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi và công bố trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục chính cấp tỉnh, cấp xã; đồng thời cập nhật hết hiệu lực đối với giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe cấp bằng hình thức điện tử;

b) Người được cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe phải nộp lại giấy chứng nhận cho cơ quan cấp, đồng thời dừng tham gia giảng dạy ngay sau khi cơ quan có thẩm quyền phát hiện hành vi vi phạm. Trong trường hợp cơ quan cấp đã sáp nhập, chia tách, giải thể hoặc không còn thẩm quyền cấp, thu hồi giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe thì người được cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe phải nộp lại giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe cho cơ quan đã ban hành quyết định thu hồi.

3. Xử lý đối với trường hợp bị thu hồi giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe

Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe bị thu hồi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe cập nhật dữ liệu về hành vi vi phạm trên hệ thống thông tin kể từ ngày có quyết định thu hồi; ngoài ra, người có hành vi vi phạm phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày bị thu hồi giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe; nếu có nhu cầu cấp lại giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe phải tập huấn và kiểm tra lại như trường hợp cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe lần đầu.

Điều 15. Giấy phép xe tập lái và thẩm quyền cấp giấy phép xe tập lái

1. Sở Xây dựng cấp giấy phép xe tập lái cho xe tập lái của cơ sở đào tạo do địa phương quản lý theo mẫu quy định tại Mẫu số 01, Mẫu số 02 Phụ lục VII kèm theo Nghị định này; giấy phép xe tập lái có hiệu lực tương ứng với thời hạn hiệu lực ghi trên giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhưng không vượt quá thời hạn sử dụng hợp pháp đối với xe tập lái.

2. Giấy phép xe tập lái được cấp ngay sau khi kiểm tra cấp giấy phép đào tạo lái xe và cấp bổ sung trong quá trình hoạt động; giấy phép xe tập lái được cấp lại trong trường hợp bị mất, bị hỏng hoặc thay đổi các thông tin trong giấy phép: tên cơ sở đào tạo, biển số xe, màu sơn.

Điều 16. Thủ tục bổ sung xe tập lái, cấp lại giấy phép xe tập lái

1. Hồ sơ bao gồm:

a) Danh sách đề nghị cấp giấy phép xe tập lái theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Nghị định này;

b) Đối với xe tập lái không thuộc quyền sở hữu của cơ sở đào tạo lái xe thì xuất trình bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc dữ liệu điện tử Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng hợp pháp.

2. Trình tự thực hiện

a) Cơ sở đào tạo gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công quốc gia;

b) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xe tập lái tiếp nhận, kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời gian không quá 02 ngày làm việc (kể cả thời gian xác thực điện tử thông tin về xe tập lái, gồm: Chứng nhận đăng ký xe, giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới) phải hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại theo quy định; trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong thời gian không quá 02 ngày làm việc (kể cả thời gian xác thực điện tử thông tin về xe tập lái, gồm: Chứng nhận đăng ký xe, giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới) phải cấp giấy phép xe tập lái cho cơ sở đào tạo. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử có giá trị như bản giấy bằng một trong các hình thức: qua VNeID, Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục chính cấp tỉnh, cấp xã; trường hợp cá nhân có nhu cầu nhận bản giấy thì được cấp bổ sung;

d) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xe tập lái lập sổ theo dõi cấp giấy phép xe tập lái theo mẫu quy định tại Phụ lục IX kèm theo Nghị định này.

Điều 17. Thu hồi giấy phép xe tập lái

1. Giấy phép xe tập lái bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Cấp cho xe tập lái không đáp ứng một trong điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 9 của Nghị định này;

b) Bị tẩy xóa, sửa chữa;

c) Để cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng vào mục đích đào tạo lái xe;

d) Cơ sở đào tạo lái xe giải thể hoặc bị thu hồi giấy phép đào tạo;

đ) Theo đề nghị của cơ sở đào tạo;

e) Xe tập lái trong cùng một thời điểm sử dụng từ 02 thiết bị DAT trở lên để truyền dữ liệu DAT hoặc sử dụng dữ liệu được truyền từ thiết bị DAT của xe tập lái khác.

2. Trình tự thực hiện thu hồi:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d và điểm e khoản 1 Điều này hoặc theo đề nghị của cơ sở đào tạo, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi và công bố trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc hệ thống thông tin giải quyết thủ tục chính cấp tỉnh, cấp xã; đồng thời cập nhật hết hiệu lực đối với giấy phép xe tập lái cấp bằng hình thức điện tử.

b) Trường hợp thu hồi giấy phép xe tập lái theo đề nghị của cơ sở đào tạo thực hiện theo trình tự sau:

Cơ sở đào tạo gửi văn bản đề nghị thu hồi xe tập lái đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công quốc gia; trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ sở đào tạo, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi và công bố trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục chính cấp tỉnh, cấp xã;

c) Cơ sở đào tạo lái xe được cấp giấy phép xe tập lái phải dừng sử dụng xe tập lái đã bị thu hồi giấy phép xe tập lái trong hoạt động giảng dạy ngay sau khi cơ quan có thẩm quyền phát hiện hành vi vi phạm, đồng thời nộp lại giấy phép xe tập lái cho cơ quan cấp ngay sau khi quyết định thu hồi giấy phép xe tập lái có hiệu lực. Trong trường hợp cơ quan cấp đã sáp nhập, chia tách, giải thể hoặc không còn thẩm quyền cấp, thu hồi giấy phép xe tập lái thì cơ sở đào tạo lái xe phải nộp lại giấy phép xe tập lái cho cơ quan đã ban hành quyết định thu hồi.

Điều 18. Giấy phép đào tạo lái xe ô tô và thẩm quyền cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô

1. Sở Xây dựng cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ sở đào tạo lái xe ô tô trên địa bàn đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 9 của Nghị định này.

2. Giấy phép đào tạo lái xe ô tô theo mẫu quy định tại Mẫu số 01 và Mẫu số 02 Phụ lục X kèm theo Nghị định này.

Điều 19. Thủ tục cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô

1. Hồ sơ bao gồm:

a) Báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục XI kèm theo Nghị định này;

b) Quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập của cơ quan có thẩm quyền (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc dữ liệu điện tử);

c) Bản sao hoặc dữ liệu điện tử giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kèm theo bản sao biên lai (nộp tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất) hoặc chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định pháp luật về đất đai.

Trường hợp thuê cơ sở vật chất gắn liền với đất: bản sao hợp đồng thuê cơ sở vật chất gắn liền với đất còn thời hạn ít nhất là 05 năm kể từ ngày gửi hồ sơ, bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất hoặc bản sao giấy tờ chứng minh quyền sở hữu đối với cơ sở vật chất của bên cho thuê;

d) Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc dữ liệu điện tử);

đ) Đối với xe tập lái không thuộc quyền sở hữu của cơ sở đào tạo lái xe thì xuất trình bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc dữ liệu điện tử Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng hợp pháp.

Trường hợp giấy tờ quy định tại điểm b, điểm c và điểm d khoản này đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử thì việc xuất trình, kiểm tra có thể thực hiện thông qua tài khoản định danh điện tử.

2. Trình tự thực hiện

a) Sau khi hoàn thành xây dựng cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu điều kiện của cơ sở đào tạo lái xe ô tô; tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này đề nghị cấp phép gửi tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, hoặc qua cổng dịch vụ công quốc gia;

b) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép đào tạo lái xe tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đủ theo quy định, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc phải có văn bản hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; trường hợp hồ sơ đủ và hợp lệ theo quy định, trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc (kể cả thời gian xác thực điện tử thông tin về xe tập lái, gồm: Chứng nhận đăng ký xe, giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới) phải tổ chức kiểm tra thực tế cơ sở đào tạo, lập biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục XII kèm theo Nghị định này và cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ sở đủ điều kiện. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử có giá trị như bản giấy bằng một trong các hình thức: qua VNeID, Công Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục chính cấp tỉnh, cấp xã; trường hợp cá nhân có nhu cầu nhận bản giấy thì được cấp bổ sung.

3. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép đào tạo lái xe, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép đào tạo lái xe gửi bản sao giấy phép đào tạo lái xe kèm biên bản kiểm tra cơ sở đào tạo để Cục Đường bộ Việt Nam thống nhất, cập nhật mã số quản lý cơ sở đào tạo lái xe ô tô lên hệ thống thông tin quản lý, giám sát công tác đào tạo lái xe.

4. Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy phép đào tạo lái xe cho cơ sở đào tạo, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xe tập lái cấp giấy phép xe tập lái. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

a) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử có giá trị như bản giấy bằng một trong các hình thức: qua VNeID, Công Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục chính cấp tỉnh, cấp xã; trường hợp cá nhân có nhu cầu nhận bản giấy thì được cấp bổ sung;

b) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xe tập lái lập Sổ theo dõi cấp giấy phép xe tập lái theo mẫu quy định tại Phụ lục IX kèm theo Nghị định này.

Điều 20. Thủ tục cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô

1. Giấy phép đào tạo lái xe ô tô được cấp lại khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo và thay đổi địa điểm đào tạo

a) Hồ sơ bao gồm các thành phần quy định tại khoản 1 Điều 19 của Nghị định này (chỉ bổ sung những nội dung thay đổi so với lần cấp phép gần nhất);

b) Trình tự thực hiện

Cơ sở đào tạo lập 01 bộ hồ sơ gửi tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công quốc gia.

Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép đào tạo lái xe tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ; trường hợp chưa đầy đủ, trong thời gian không quá 02 ngày làm việc phải có văn bản hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại theo quy định; trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc phải tổ chức kiểm tra thực tế cơ sở đào tạo và lập biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục XII kèm theo Nghị định này.

Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ sở đào tạo. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử có giá trị như bản giấy bằng một trong các hình thức: qua VNeID, Công Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục chính cấp tỉnh, cấp xã; trường hợp cá nhân có nhu cầu nhận bản giấy thì được cấp bổ sung.

2. Giấy phép đào tạo lái xe ô tô được cấp lại khi bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi về tên của cơ sở đào tạo

a) Cơ sở đào tạo có văn bản đề nghị cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô và nêu rõ lý do hỏng, mất hoặc nội dung cần thay đổi, gửi tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công quốc gia;

b) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép đào tạo lái xe tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc phải có văn bản hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại theo quy định; trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ sở đào tạo; trường hợp không cấp phải trả lời tổ chức, cá nhân bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử có giá trị như bản giấy bằng một trong các hình thức: qua VNeID, Công Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục chính cấp tỉnh, cấp xã; trường hợp cá nhân có nhu cầu nhận bản giấy thì được cấp bổ sung.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép đào tạo lái xe cấp lại giấy phép đào tạo lái xe, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép đào tạo lái xe gửi Cục Đường bộ Việt Nam bản sao giấy phép đào tạo lái xe đã cấp kèm biên bản kiểm tra cơ sở đào tạo.

Điều 21. Thu hồi giấy phép đào tạo lái xe ô tô

1. Cơ sở đào tạo bị thu hồi giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi vi phạm một trong các trường hợp sau:

a) Có hành vi gian lận để được thành lập hoặc cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô;

b) Cơ sở đào tạo lái xe không tổ chức hoạt động đào tạo lái xe trong thời gian 24 tháng liên tục;

c) Bị đình chỉ tuyển sinh đào tạo lái xe ô tô từ 02 lần trở lên trong thời gian 18 tháng;

d) Giấy phép được cấp không đúng với thẩm quyền hoặc sai quy định;

đ) Tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung trên giấy phép được cấp;

e) Cho thuê, cho mượn giấy phép đào tạo lái xe ô tô;

g) Cơ sở đào tạo lái xe giải thể theo quy định của pháp luật.

2. Trình tự thực hiện thu hồi:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này hoặc giải thể hoạt động đào tạo lái xe, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi giấy phép đào tạo lái xe ô tô, thông báo đến Cục Đường bộ Việt Nam để theo dõi và công bố trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục chính cấp tỉnh, cấp xã; đồng thời cập nhật hết hiệu lực đối với giấy phép đào tạo lái xe cấp bằng hình thức điện tử;

b) Cơ sở đào tạo lái xe ô tô phải nộp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô, đồng thời dừng toàn bộ các hoạt động đào tạo lái xe ô tô theo giấy phép đã bị thu hồi ngay sau khi quyết định có hiệu lực. Trong trường hợp cơ quan cấp đã sáp nhập, chia tách, giải thể hoặc không còn thẩm quyền cấp, thu hồi giấy phép đào tạo lái xe ô tô thì cơ sở đào tạo lái xe phải nộp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ quan đã ban hành quyết định thu hồi.

Điều 22. Giải thể cơ sở đào tạo lái xe

1. Cơ sở đào tạo lái xe được phép giải thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập cơ sở đào tạo lái xe đó.

2. Quyết định giải thể cơ sở đào tạo lái xe phải xác định rõ lý do giải thể, các biện pháp bảo đảm lợi ích hợp pháp của giáo viên, viên chức, người học và người lao động. Quyết định giải thể cơ sở đào tạo lái xe phải được công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.

3. Người có thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập thì có quyền giải thể hoặc cho phép giải thể cơ sở đào tạo lái xe.

4. Cơ sở đào tạo lái xe giải thể thực hiện như sau

a) Cơ sở đào tạo lái xe gửi văn bản thông báo kế hoạch giải thể của cơ quan có thẩm quyền, trong đó nêu rõ lý do bị giải thể kèm theo phương án giải thể tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công quốc gia ngay khi có kế hoạch giải thể;

b) Phương án giải thể cơ sở đào tạo lái xe bao gồm: phương án giải quyết tài sản; phương án bảo đảm quyền lợi của người học, giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên, người lao động và thực hiện nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành quyết định giải thể, lập 01 bộ Hồ sơ gồm: văn bản thông báo giải thể và kèm theo quyết định giải thể của cơ quan có thẩm quyền gửi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép đào tạo lái xe để theo dõi quản lý.

Chương III

ĐIỀU KIỆN KINH DOANH, CẤP VÀ THU HỒI GIẤY PHÉP SÁT HẠCH

Mục 1

ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA TRUNG TÂM SÁT HẠCH LÁI XE

Điều 23. Điều kiện chung

1. Trung tâm sát hạch lái xe là tổ chức hoạt động kinh doanh dịch vụ.
2. Điều kiện về nhân lực của trung tâm sát hạch lái xe
 - a) Giám đốc, Phó giám đốc; Giám đốc có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên;
 - b) Có kỹ thuật viên công nghệ thông tin phục vụ các nội dung sát hạch;
 - c) Có nhân viên nghiệp vụ để thực hiện các công việc: phục vụ sát hạch thực hành lái xe trong sân sát hạch, ngoài đường, bảo đảm an ninh, an toàn tại các khu vực sát hạch; quản lý thí sinh, nhận, trả và lưu trữ hồ sơ.

Điều 24. Điều kiện về cơ sở vật chất

1. Được đặt ở nơi có đường giao thông thuận tiện, có điều kiện về cung cấp điện, nước, thoát nước, thông tin liên lạc, không bị nhiễu loạn điện từ ảnh hưởng đến các thiết bị báo lỗi và chấm điểm lắp đặt tại Trung tâm.
2. Có đầy đủ các hạng mục công trình cơ bản như: sân sát hạch, nhà điều hành và các công trình phụ trợ. Sân sát hạch phải được bố trí trên một thửa đất hoặc nhiều thửa đất liền kề.
3. Có phương tiện, thiết bị, lực lượng lao động thu gom, lưu giữ rác thải sinh hoạt theo quy định; trồng cây xanh xung quanh sân sát hạch hoặc có biện pháp giảm thiểu ảnh hưởng của tiếng ồn, bụi và khí xả từ xe cơ giới dùng để sát hạch; niêm yết quy định về giữ gìn vệ sinh môi trường ở nơi công cộng.
4. Xây dựng, lắp đặt và duy trì tình trạng kỹ thuật của hệ thống chống sét và các trang thiết bị phòng, chống cháy nổ theo quy định, được cơ quan quản lý về phòng cháy, chữa cháy chứng nhận bảo đảm an toàn.
5. Xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, đường truyền trực tuyến để truyền trực tiếp dữ liệu giám sát sát hạch về Phòng Cảnh sát giao thông tổ chức kỳ sát hạch và Cục Cảnh sát giao thông, Bộ Công an để phục vụ công tác quản lý, kiểm tra và xử lý vi phạm.
6. Diện tích trung tâm sát hạch lái xe: trung tâm sát hạch lái xe loại 1 có diện tích không nhỏ hơn 35.000 m²; trung tâm sát hạch lái xe loại 2 có diện tích không

nhỏ hơn 20.000 m²; trung tâm sát hạch lái xe loại 3 có diện tích không nhỏ hơn 4.000 m².

7. Xe sát hạch

a) Xe sát hạch các hạng sử dụng các loại xe tương ứng với hạng giấy phép lái xe quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15, bảo đảm yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ. Trong đó: xe sát hạch hạng A1, A sử dụng loại ly hợp điều khiển tự động hoặc loại ly hợp điều khiển bằng tay; xe sát hạch hạng B sử dụng loại chuyển số tự động (bao gồm cả ô tô điện) hoặc chuyển số cơ khí (số sàn); xe sát hạch hạng C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E và DE sử dụng loại chuyển số cơ khí (số sàn);

b) Số lượng xe sát hạch trong hình hạng A1, A, B1, B, C1 và C tối thiểu mỗi hạng 02 xe; các hạng khác tối thiểu mỗi hạng 01 xe; được phép kết hợp sát hạch trong hình và trên đường;

c) Xe sát hạch lái xe trên đường tối thiểu mỗi hạng 01 xe (được phép kết hợp sát hạch trong hình và trên đường);

d) Xe sát hạch thuộc quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân có trung tâm sát hạch lái xe và không được sử dụng vào mục đích kinh doanh khác (trừ sử dụng vào mục đích kinh doanh đào tạo lái xe);

đ) Xe sát hạch được gắn 02 biển “SÁT HẠCH” trước và sau xe theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII kèm theo Nghị định này; xe sát hạch các hạng B, C1, C, D1, D2, D và BE, CE, D2E, D1E, DE có hệ thống phanh phụ được lắp đặt bảo đảm hiệu quả phanh;

e) Xe mô tô ba bánh để làm xe sát hạch cho người khuyết tật là xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký xe và biển số xe;

g) Xe ô tô hạng B số tự động được dùng làm xe sát hạch cho người khuyết tật bàn chân phải hoặc bàn tay phải hoặc bàn tay trái; xe ô tô hạng B số tự động dùng làm xe sát hạch cho người khuyết tật ngoài việc đáp ứng các quy định tại điểm d, điểm đ khoản này còn phải có kết cấu phù hợp để các tay và chân còn lại của người khuyết tật vừa giữ được vô lăng lái, vừa dễ dàng điều khiển cần gạt tín hiệu báo rẽ, đèn chiếu sáng, cần gạt mưa, cần số, cần phanh tay, bàn đạp phanh chân, bàn đạp ga trong mọi tình huống khi lái xe theo đúng chức năng thiết kế của nhà sản xuất ô tô hoặc được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận cải tạo xe cơ giới xác nhận hệ thống điều khiển của xe phù hợp để người khuyết tật lái xe an toàn.

8. Thiết bị sát hạch lý thuyết: tối thiểu 02 máy tính làm chức năng máy chủ; tối thiểu 10 máy tính làm chức năng máy trạm đối với trung tâm sát hạch lái xe loại 3, tối thiểu 20 máy tính làm chức năng máy trạm đối với trung tâm sát hạch lái xe loại 1 và loại 2.

9. Thiết bị sát hạch thực hành lái xe trong hình: tối thiểu 02 máy tính; thiết bị trên xe sát hạch có số lượng tối thiểu tương ứng với số lượng xe sát hạch; thiết bị trên sân sát hạch.

10. Thiết bị sát hạch thực hành lái xe trên đường: tối thiểu 02 máy tính, thiết bị trên xe sát hạch có số lượng tối thiểu tương ứng với số lượng xe sát hạch.

11. Trang bị và duy trì tình trạng kỹ thuật hệ thống thông tin giám sát sát hạch theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.

12. Trang bị các thiết bị hỗ trợ

a) Bộ đàm thông tin nội bộ: tối thiểu 02 bộ đối với trung tâm sát hạch lái xe loại 3 và 04 bộ đối với trung tâm sát hạch lái xe loại 1 và loại 2;

b) Hệ thống âm thanh để thông báo công khai kết quả, lỗi trừ điểm của người dự sát hạch: tối thiểu 01 bộ;

c) Hệ thống màn hình hiển thị: tối thiểu 03 màn hình đối với trung tâm sát hạch lái xe loại 3 và 04 màn hình đối với trung tâm sát hạch lái xe loại 1 và loại 2;

d) Hệ thống camera giám sát lắp đặt tại phòng sát hạch lý thuyết, sân sát hạch;

đ) Máy phát điện dự phòng: tối thiểu 01 máy;

e) Thiết bị lưu điện: có số lượng tối thiểu tương ứng với các máy tính sử dụng phục vụ công tác tổ chức sát hạch.

g) Sử dụng hệ thống thiết bị và phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử để kết nối thông qua API tới các nền tảng số quốc gia có liên quan, bảo đảm việc nhận diện, định danh, xác thực và cung cấp giấy tờ điện tử của học viên khi tham dự sát hạch lái xe trước ngày 01 tháng 01 năm 2027.

13. Trung tâm sát hạch lái xe có cài đặt phần mềm sát hạch lý thuyết: cung cấp dịch vụ để tổ chức sát hạch lý thuyết đối với tất cả các hạng giấy phép lái xe.

Điều 25. Điều kiện kỹ thuật

Trung tâm sát hạch lái xe phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.

Mục 2

THỦ TỤC CẤP, CẤP LẠI VÀ THU HỒI GIẤY PHÉP SÁT HẠCH

Điều 26. Giấy phép sát hạch, thẩm quyền cấp, cấp lại và thu hồi giấy phép sát hạch

1. Phòng Cảnh sát giao thông cấp, cấp lại giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe trên địa bàn nếu đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 23, Điều 24, Điều 25 của Nghị định này và có thẩm quyền thu hồi giấy phép sát hạch của trung tâm sát hạch lái xe trên địa bàn theo quy định tại Điều 30 của Nghị định này;

Trường hợp trung tâm sát hạch lái xe chưa cung cấp dịch vụ để sát hạch các hạng giấy phép lái xe quy định tại khoản 4 Điều 3 của Nghị định này, thì được cấp giấy phép sát hạch để sát hạch đối với các hạng giấy phép lái xe đáp ứng đủ điều kiện; trung tâm sát hạch lái xe loại 1 phải cung cấp dịch vụ để sát hạch tối thiểu các hạng giấy phép lái xe A1, A, B, C1, C, D2, D.

2. Giấy phép sát hạch theo mẫu quy định tại Mẫu số 01 và Mẫu số 02 Phụ lục XIV kèm theo Nghị định này; được cấp lại trong trường hợp bị mất, bị hỏng, thay đổi tên của trung tâm sát hạch hoặc có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe. Giấy phép cấp lại phải có quy định hủy bỏ hiệu lực của giấy phép đã cấp trước đó.

Điều 27. Thủ tục cấp giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2

1. Sau khi xây dựng xong trung tâm sát hạch lái xe, tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ xây dựng đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định này bằng một trong các hình thức: qua dịch vụ bưu chính, cổng dịch vụ công quốc gia; hồ sơ xây dựng gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp giấy phép sát hạch theo mẫu quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục XV kèm theo Nghị định này;

b) Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền đối với nhà đầu tư trong nước, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ dưới 51% vốn điều lệ) trừ các dự án không phải phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên) (bản sao kèm bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc dữ liệu điện tử);

c) Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể;

d) Giấy phép xây dựng (bản sao kèm bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc dữ liệu điện tử) trừ các trường hợp được miễn giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật; hồ sơ thiết kế hình sát hạch, bản kê khai loại xe cơ giới dùng để sát hạch, loại thiết bị chấm điểm tự động.

2. Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị, cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra, lập biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục XVI kèm theo Nghị định này và cấp giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do; trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày cấp giấy phép sát hạch, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép sát hạch gửi Cục Cảnh sát giao thông bản sao giấy phép sát hạch đã cấp kèm theo biên bản kiểm tra để theo dõi, quản lý.

3. Việc trả kết quả được thực hiện qua dịch vụ bưu chính; trường hợp cấp giấy phép sát hạch điện tử, cơ quan có thẩm quyền trả kết quả trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để trung tâm sát hạch lái xe in hoặc lưu trữ trên thiết bị điện tử.

Điều 28. Thủ tục cấp giấy phép cho trung tâm sát hạch lái xe loại 3

1. Sau khi xây dựng xong trung tâm sát hạch lái xe, tổ chức, cá nhân gửi văn bản đề nghị cấp giấy phép sát hạch theo mẫu quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục XV kèm theo Nghị định này, kèm 01 bộ hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc cổng dịch vụ công quốc gia đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định này; hồ sơ bao gồm:

a) Giấy phép xây dựng (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc dữ liệu điện tử);

b) Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể, hồ sơ thiết kế kích thước hình sát hạch, loại xe cơ giới dùng để sát hạch.

2. Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì cơ quan có thẩm quyền có văn bản hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại theo quy định; trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, tổ chức kiểm tra, lập biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục XVI kèm theo Nghị định này và cấp giấy phép sát hạch; trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày cấp giấy phép sát hạch, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép sát hạch gửi Cục Cảnh sát giao thông bản sao giấy phép sát hạch đã cấp kèm theo biên bản kiểm tra để theo dõi, quản lý.

3. Việc trả kết quả được thực hiện qua dịch vụ bưu chính; trường hợp cấp giấy phép sát hạch điện tử, cơ quan có thẩm quyền trả kết quả trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để trung tâm sát hạch lái xe in hoặc lưu trữ trên thiết bị điện tử.

Điều 29. Thủ tục cấp lại giấy phép sát hạch

1. Giấy phép sát hạch được cấp lại khi có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe

a) Trung tâm sát hạch lái xe gửi văn bản đề nghị cấp lại giấy phép sát hạch theo mẫu quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục XV kèm theo Nghị định này gửi đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định này bằng một trong các hình thức: qua dịch vụ bưu chính, cổng dịch vụ công quốc gia;

b) Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị, cơ quan có thẩm quyền cấp tổ chức kiểm tra, lập biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục XVI kèm theo Nghị định này và cấp giấy phép sát hạch. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do; trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày cấp lại giấy phép sát hạch, cơ quan có thẩm quyền phải báo cáo Cục Cảnh sát giao thông bằng văn bản để theo dõi, quản lý;

c) Việc trả kết quả được thực hiện qua dịch vụ bưu chính; trường hợp cấp giấy phép sát hạch điện tử, cơ quan có thẩm quyền trả kết quả trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để trung tâm sát hạch lái xe in hoặc lưu trữ trên thiết bị điện tử.

2. Giấy phép sát hạch được cấp lại khi bị hỏng, mất, thay đổi tên của trung tâm sát hạch lái xe ngoài các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

a) Trung tâm sát hạch lái xe có văn bản đề nghị cấp lại giấy phép sát hạch theo mẫu quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục XV kèm theo Nghị định này và nêu rõ lý do hỏng hoặc mất hoặc nội dung thay đổi, gửi đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định này bằng một trong các hình thức: qua dịch vụ bưu chính, cổng dịch vụ công quốc gia;

b) Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị, cơ quan có thẩm quyền cấp kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện theo quy định. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày cấp giấy phép sát hạch, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép sát hạch gửi Cục Cảnh sát giao thông bản sao giấy phép sát hạch đã cấp kèm theo biên bản kiểm tra để theo dõi, quản lý.

c) Việc trả kết quả được thực hiện qua dịch vụ bưu chính; trường hợp cấp giấy phép sát hạch điện tử, cơ quan có thẩm quyền trả kết quả trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để trung tâm sát hạch lái xe in hoặc lưu trữ trên thiết bị điện tử.

Điều 30. Thu hồi giấy phép sát hạch

1. Trung tâm sát hạch lái xe bị thu hồi giấy phép sát hạch trong các trường hợp sau:

- a) Có hành vi gian lận để được cấp giấy phép sát hạch;
- b) Không triển khai hoạt động sát hạch lái xe sau thời hạn 24 tháng, kể từ ngày được cấp giấy phép sát hạch;
- c) Bị tước quyền sử dụng giấy phép sát hạch từ 02 lần trở lên trong thời gian 18 tháng;
- d) Giấy phép sát hạch được cấp không đúng thẩm quyền hoặc sai quy định;
- đ) Tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung trên giấy phép sát hạch được cấp;
- e) Trung tâm sát hạch lái xe giải thể theo quy định của pháp luật;
- g) Cố ý can thiệp vào thiết bị, phương tiện, phần mềm sát hạch làm sai lệch kết quả sát hạch.

2. Trình tự thực hiện thu hồi:

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này hoặc giải thể hoạt động sát hạch, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định này ban hành quyết định thu hồi giấy phép sát hạch và công bố trên Công Dịch vụ công quốc gia, đồng thời cập nhật hết hiệu lực đối với giấy phép sát hạch cấp bằng hình thức điện tử. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định thu hồi giấy phép sát hạch, cơ quan có thẩm quyền Nghị định này gửi Cục Cảnh sát giao thông bản sao quyết định để theo dõi, quản lý;

b) Trung tâm sát hạch lái xe phải dừng toàn bộ hoạt động sát hạch lái xe ngay sau khi quyết định thu hồi có hiệu lực và nộp lại giấy phép sát hạch cho cơ quan cấp. Trong trường hợp cơ quan cấp đã sáp nhập, chia tách, giải thể hoặc không còn thẩm quyền cấp, thu hồi giấy phép sát hạch thì trung tâm sát hạch lái xe phải nộp lại giấy phép sát hạch cho cơ quan đã ban hành quyết định thu hồi.

3. Xử lý đối với trường hợp bị thu hồi giấy phép sát hạch:

a) Giấy phép sát hạch bị thu hồi theo quy định tại điểm a, điểm g khoản 1 Điều này, trung tâm sát hạch phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp lại trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày bị thu hồi;

b) Giấy phép sát hạch bị thu hồi theo quy định tại điểm b, c, d, đ, e khoản 1 Điều này nếu trung tâm sát hạch có nhu cầu và đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định thì được xem xét cấp lại giấy phép sát hạch.

Chương IV
ĐIỀU KIỆN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA SÂN TẬP LÁI
ĐỂ SÁT HẠCH LÁI XE MÔ TÔ

Điều 31. Điều kiện về cơ sở vật chất và kỹ thuật

1. Được đặt ở nơi có đường giao thông thuận tiện, có điều kiện về cung cấp điện, nước, thoát nước, thông tin liên lạc, không bị nhiễu loạn điện từ ảnh hưởng đến các thiết bị báo lỗi và chấm điểm lắp đặt tại sân tập lái.

2. Có các hạng mục công trình cơ bản như: sân sát hạch thực hành lái xe mô tô, phòng sát hạch lý thuyết, phòng điều hành thiết bị chấm điểm thực hành lái xe trong hình (trong trường hợp tổ chức sát hạch thực hành lái xe trong hình bằng phương pháp chấm điểm tự động).

3. Sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô phải có diện tích để bố trí đủ các hình các bài sát hạch lái xe theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ đối với hạng sát hạch tương ứng.

4. Xe cơ giới dùng để sát hạch

a) Số lượng xe sát hạch trong hình hạng A1, A tối thiểu mỗi hạng 02 xe, hạng B1 tối thiểu 01 xe và không được sử dụng vào mục đích kinh doanh khác (trừ xe sử dụng để đào tạo lái xe);

b) Xe sát hạch thuộc quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân có sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô;

c) Được gắn 02 biển “SÁT HẠCH” trước và sau xe;

d) Xe mô tô ba bánh để làm xe sát hạch cho người khuyết tật là xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe.

5. Thiết bị sát hạch lý thuyết (đối với trường hợp sát hạch lý thuyết thực hiện trên máy vi tính): tối thiểu 02 máy tính làm chức năng máy chủ; tối thiểu 10 máy tính làm chức năng máy trạm.

6. Thiết bị sát hạch thực hành lái xe trong hình (đối với trường hợp sát hạch thực hành lái xe trong hình bằng phương pháp chấm điểm tự động): tối thiểu 02 máy tính; thiết bị trên xe sát hạch có số lượng tối thiểu tương ứng với số lượng xe sát hạch; thiết bị trên sân sát hạch thực hành lái xe mô tô.

7. Trang bị các thiết bị hỗ trợ

a) Bộ đàm thông tin nội bộ: tối thiểu 02 bộ;

b) Hệ thống âm thanh để thông báo công khai kết quả, lỗi trừ điểm của người dự sát hạch: tối thiểu 01 bộ;

c) Hệ thống màn hình hiển thị: tối thiểu 03 màn hình;

d) Hệ thống camera giám sát: lắp đặt tại phòng sát hạch lý thuyết, sân sát hạch thực hành lái xe mô tô;

đ) Máy phát điện dự phòng: tối thiểu 01 máy;

e) Thiết bị lưu điện: có số lượng tối thiểu tương ứng với các máy tính sử dụng phục vụ công tác tổ chức sát hạch; trường hợp, sử dụng thiết bị lưu điện tập trung, phải có công suất đáp ứng cho các máy tính sử dụng phục vụ công tác tổ chức sát hạch.

8. Sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo tiêu chuẩn kỹ thuật sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô.

Điều 32. Chấp thuận, thẩm quyền chấp thuận, chấp thuận lại và thu hồi chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô

1. Phòng Cảnh sát giao thông chấp thuận, chấp thuận lại hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô trên địa bàn nếu đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 31 của Nghị định này và thu hồi chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô trên địa bàn theo quy định tại Điều 35 của Nghị định này.

2. Chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô theo mẫu quy định tại Mẫu số 01 và Mẫu số 02 Phụ lục XVII kèm theo Nghị định này; được cấp lại khi có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe mô tô để sát hạch lái xe. Chấp thuận lại phải có quy định hủy bỏ hiệu lực của chấp thuận đã cấp trước đó.

Điều 33. Thủ tục chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô

1. Tổ chức, cá nhân có sân tập lái gửi 01 bộ hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc công dịch vụ công quốc gia đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định này; hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô theo mẫu quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục XVIII kèm theo Nghị định này;

b) Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể, hồ sơ thiết kế kích thước hình sát hạch, loại xe cơ giới dùng để sát hạch.

2. Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ; trường hợp chưa đầy đủ, thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại theo quy định; trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tổ chức kiểm tra sân tập lái và lập biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục XIX kèm theo Nghị định này và ban hành quyết định chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái

xe mô tô đủ điều kiện hoạt động; trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô đủ điều kiện hoạt động, cơ quan có thẩm quyền gửi Cục Cảnh sát giao thông bản sao quyết định để theo dõi, quản lý.

3. Việc trả kết quả được thực hiện qua dịch vụ bưu chính; trường hợp trả kết quả điện tử (có mã hai chiều (QR)), cơ quan có thẩm quyền cấp trả kết quả trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để tổ chức, cá nhân in hoặc lưu trên thiết bị điện tử, các cơ quan liên quan truy xuất thông tin về chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô.

Điều 34. Thủ tục chấp thuận lại hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô

1. Chấp thuận lại hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô khi có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe mô tô để sát hạch lái xe

a) Tổ chức, cá nhân có sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô gửi văn bản đề nghị chấp thuận lại hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô theo mẫu quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục XVIII kèm theo Nghị định này trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc cổng dịch vụ công quốc gia đến cơ quan có thẩm quyền;

b) Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị, cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra, lập biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục XIX kèm theo Nghị định này và chấp thuận lại hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định chấp thuận lại hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô, cơ quan có thẩm quyền gửi Cục Cảnh sát giao thông bản sao quyết định để theo dõi, quản lý.

2. Chấp thuận lại hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô khi bị hỏng, mất hoặc thay đổi tên của cơ sở đào tạo có sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô ngoài các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

a) Tổ chức, cá nhân có sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô có văn bản đề nghị chấp thuận lại hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô theo mẫu quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục XVIII kèm theo Nghị định này và nêu rõ lý do hỏng hoặc mất hoặc nội dung thay đổi, qua dịch vụ bưu chính hoặc cổng dịch vụ công quốc gia đến cơ quan có thẩm quyền;

b) Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận văn bản đề nghị, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định này kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại theo quy định; trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc

kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Phòng Cảnh sát giao thông có văn bản chấp thuận gửi tổ chức, cá nhân; trường hợp không cấp phải trả lời tổ chức, cá nhân bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định chấp thuận lại hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô, cơ quan có thẩm quyền gửi Cục Cảnh sát giao thông bản sao quyết định để theo dõi, quản lý.

3. Việc trả kết quả được thực hiện qua dịch vụ bưu chính; trường hợp trả kết quả điện tử (có mã hai chiều (QR), cơ quan có thẩm quyền trả kết quả trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để tổ chức, cá nhân in hoặc lưu trên thiết bị điện tử, các cơ quan liên quan truy xuất thông tin về chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô.

Điều 35. Thu hồi chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô

1. Chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Có hành vi gian lận để được cấp chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô;

b) Không triển khai hoạt động sát hạch lái xe sau thời hạn 24 tháng, kể từ ngày được cấp chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô;

c) Bị tước quyền sử dụng chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô từ 02 lần trở lên trong thời gian 18 tháng;

d) Chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô được cấp không đúng thẩm quyền hoặc sai quy định;

đ) Tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung trên chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô được cấp;

e) Cơ sở đào tạo lái xe có sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô giải thể theo quy định của pháp luật;

g) Cố ý can thiệp vào thiết bị, phương tiện, phần mềm sát hạch làm sai lệch kết quả sát hạch.

2. Trình tự thực hiện thu hồi:

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô và công bố trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, đồng thời cập nhật hết hiệu lực đối với chấp thuận hoạt

động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô cấp bằng hình thức điện tử. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định thu hồi, cơ quan có thẩm quyền gửi Cục Cảnh sát giao thông bản sao quyết định để theo dõi, quản lý;

b) Cơ sở đào tạo lái xe có sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô phải dừng toàn bộ hoạt động sát hạch lái xe mô tô ngay sau khi quyết định thu hồi có hiệu lực và nộp lại chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô cho cơ quan cấp. Trong trường hợp cơ quan cấp đã sáp nhập, chia tách, giải thể hoặc không còn thẩm quyền cấp, thu hồi chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô thì cơ sở đào tạo lái xe phải nộp lại chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô cho cơ quan đã ban hành quyết định thu hồi.

3. Xử lý đối với trường hợp bị thu hồi giấy phép sát hạch

a) Chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô bị thu hồi theo quy định tại điểm a, điểm g khoản 1 Điều này, cơ sở đào tạo có sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp lại trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày bị thu hồi;

b) Chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô bị thu hồi theo quy định tại điểm b, c, d, đ, e khoản 1 Điều này nếu có nhu cầu và đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định thì được xem xét cấp lại.

Chương V **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 36. Bộ Công an

1. Thống nhất quản lý hoạt động sát hạch lái xe theo quy định của Nghị định này.
2. Tổ chức kiểm tra, xử lý vi phạm việc thực hiện các quy định về hoạt động sát hạch lái xe của Nghị định này.

3. Xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, đường truyền, lưu trữ dữ liệu giám sát sát hạch trước ngày 01 tháng 01 năm 2027; cấp, cấp lại giấy phép sát hạch và chấp thuận lại hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô bản điện tử trước ngày 31 tháng 12 năm 2027; kết nối tiếp nhận chuyển giao dữ liệu đào tạo lái xe từ Bộ Xây dựng.

4. Phối hợp với Bộ Xây dựng trong công tác quản lý đào tạo lái xe.

Điều 37. Bộ Xây dựng

1. Thống nhất quản lý hoạt động đào tạo lái xe theo quy định của Nghị định này.
2. Tổ chức kiểm tra, xử lý vi phạm việc thực hiện các quy định về hoạt động đào tạo lái xe của Nghị định này.

3. Quy định quy chuẩn về ca bin học lái xe để đào tạo lái xe, thiết bị giám sát thời gian và quãng đường học thực hành lái xe trên đường của học viên; hướng dẫn việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giám sát thời gian học lý thuyết đối với học viên của các cơ sở đào tạo lái xe ô tô.

4. Phối hợp với Bộ Công an trong công tác quản lý sát hạch lái xe.

Điều 38. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố

1. Chỉ đạo các cơ quan chức năng tổ chức thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ các điều kiện quy định của Nghị định này.

2. Chỉ đạo việc công bố và thực hiện cập nhật danh sách các cơ sở đào tạo lái xe ô tô được cấp hoặc bị thu hồi trong phạm vi quản lý trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục chính cấp tỉnh, cấp xã.

3. Chỉ đạo Sở xây dựng thực hiện nhiệm vụ sau:

a) Lưu trữ tài liệu: danh sách cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, giấy phép đào tạo lái xe kèm biên bản kiểm tra cấp phép, danh sách cấp xe tập lái trong thời hạn 05 năm;

b) Căn cứ nội dung kiểm tra, đánh giá quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này, để xây dựng chi tiết nội dung kiểm tra, đánh giá, cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe;

c) Số hóa giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, giấy phép xe tập lái, giấy phép đào tạo lái xe đã cấp; hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2026; bảo đảm kết nối, chia sẻ thông tin phục vụ công tác quản lý và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

4. Chỉ đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã thực hiện trả kết quả bản điện tử trước ngày 31 tháng 12 năm 2027 đối với các thủ tục: cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 và điểm c khoản 2 Điều 13 của Nghị định này; cấp giấy phép xe tập lái quy định tại điểm c khoản 2 Điều 16 và điểm a khoản 4 Điều 19 của Nghị định này; cấp giấy phép đào tạo lái xe quy định tại điểm c khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 20 của Nghị định này.

5. Chỉ đạo Sở Xây dựng phối hợp với Công an tỉnh, thành phố trong công tác đào tạo, sát hạch lái xe và đồng bộ, chia sẻ dữ liệu đào tạo và sát hạch lái xe.

Điều 39. Cơ sở đào tạo

1. Duy trì, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy; quản lý đội ngũ giáo viên bảo đảm điều kiện theo quy định.

2. Cơ sở đào tạo lái xe căn cứ nội dung tập huấn giáo viên dạy thực hành lái xe quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này, để xây dựng nội dung chi tiết chương trình tập huấn giáo viên dạy thực hành lái xe.

3. Xây dựng Điều lệ của cơ sở đào tạo lái xe ô tô. Điều lệ có nội dung chủ yếu sau đây: mục tiêu; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở đào tạo lái xe ô tô; tổ chức các hoạt động đào tạo; nhiệm vụ và quyền của giáo viên, cán bộ quản lý; nhiệm vụ và quyền của người học; tổ chức và quản lý của cơ sở đào tạo lái xe ô tô; tài chính và tài sản.

4. Cơ sở đào tạo lái xe ô tô căn cứ vào Điều lệ để xây dựng quy chế tổ chức, hoạt động của mình và công bố công khai tại cơ sở đào tạo lái xe ô tô.

5. Cơ sở đào tạo phải bảo đảm thời gian làm việc của giáo viên dạy thực hành lái xe theo quy định của pháp luật về lao động và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho đội ngũ giáo viên dạy thực hành lái xe theo quy định về khám sức khỏe định kỳ đối với người hành nghề lái xe ô tô tại khoản 2 Điều 59 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Điều 40. Trung tâm sát hạch lái xe

1. Duy trì cơ sở vật chất, trang thiết bị kiểm tra, chấm điểm theo quy định để thực hiện các kỳ sát hạch đạt kết quả chính xác, khách quan.

2. Duy trì hệ thống thông tin giám sát sát hạch theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.

Điều 41. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Nghị định này bãi bỏ Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe.

Điều 42. Quy định chuyển tiếp

1. Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, giấy phép xe tập lái, giấy phép đào tạo lái xe ô tô do cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tiếp tục còn giá trị sử dụng theo thời hạn của giấy phép với các hạng xe đào tạo tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 89 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15. Trường hợp cấp lại, cấp mới (chuyển đổi hạng đào tạo) giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe cho người có giấy phép lái xe cấp trước ngày Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 có hiệu lực, thì chuyển đổi sang hạng đào tạo tương ứng theo quy định tại khoản 3 Điều 89 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 và phù hợp với hạng Giấy phép lái xe hiện đang sử dụng.

2. Người có bằng Trung cấp sư phạm cấp trước ngày Luật Giáo dục số 123/2025/QH15 có hiệu lực thi hành được công nhận đáp ứng yêu cầu văn bằng về trình độ sư phạm quy định tại điểm b khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 10 Nghị định này.

3. Trung tâm sát hạch lái xe đã được cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động hoặc giấy phép sát hạch trước ngày Nghị định này có hiệu lực đáp ứng điều kiện về hệ thống thông tin, đường truyền để kết nối và truyền dữ liệu giám sát sát hạch quy định tại khoản 5 Điều 24 của Nghị định này trước ngày 01 tháng 01 năm 2027; trung tâm sát hạch lái xe loại 1 phải cung cấp dịch vụ để sát hạch tối thiểu các hạng giấy phép lái xe A1, A, B, C1, C, D2, D trước ngày 01 tháng 01 năm 2027. Phòng Cảnh sát giao thông đang quản lý, sử dụng trung tâm sát hạch lái xe nằm trên địa phương khác để sát hạch, được tiếp tục quản lý, sử dụng và thực hiện thủ tục cấp lại, thu hồi giấy phép sát hạch theo quy định tại Điều 29 và Điều 30 của Nghị định này.

4. Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, giấy phép xe tập lái, giấy phép đào tạo lái xe ô tô, giấy phép sát hạch, chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô đã nộp tại cơ quan có thẩm quyền trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe, hạng xe được phép đào tạo và sát hạch tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 89 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

5. Xe ô tô chở hàng (xe ô tô tải) có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 7.500 kg được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xe tập lái trước ngày 01/01/2025, được sử dụng để đào tạo lái xe hạng C1 trên sân tập lái trong thời hạn tối đa 05 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng không quá niên hạn sử dụng đối với xe ô tô tải quy định tại Nghị định số 166/2024/NĐ-CP. Giáo viên dạy thực hành lái xe sử dụng loại xe quy định tại khoản này để đào tạo lái xe hạng C1 phải có giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe hạng C.

6. Giấy phép sát hạch đã được cấp, cấp lại theo quy định tại Nghị định số 160/2024/NĐ-CP tiếp tục có giá trị sử dụng.

7. Cơ sở đào tạo lái xe phải đáp ứng điều kiện về trang bị hệ thống thiết bị và phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử để kết nối thông qua API tới các nền tảng số quốc gia có liên quan, bảo đảm việc nhận diện, định danh, xác thực và cung cấp giấy tờ điện tử của học viên từ khi đăng ký đào tạo đến khi đăng ký sát hạch lái xe quy định tại khoản 4 Điều 9 của Nghị định này trước ngày 01 tháng 01 năm 2027.

Điều 43. Tổ chức thực hiện

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN. pvc

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trần Hồng Hà